Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn

SỐ 10 Tháng NĂM 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

TÌNH HÌNH CHUNG

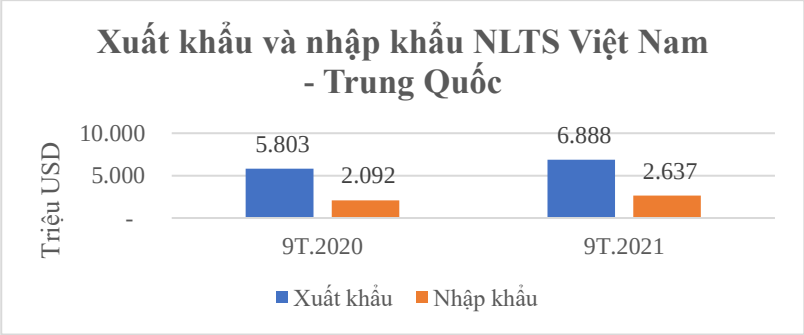

So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam -Trung Quốc (9T- 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 18,71%
- Nhập Khẩu ▲ 26,03%

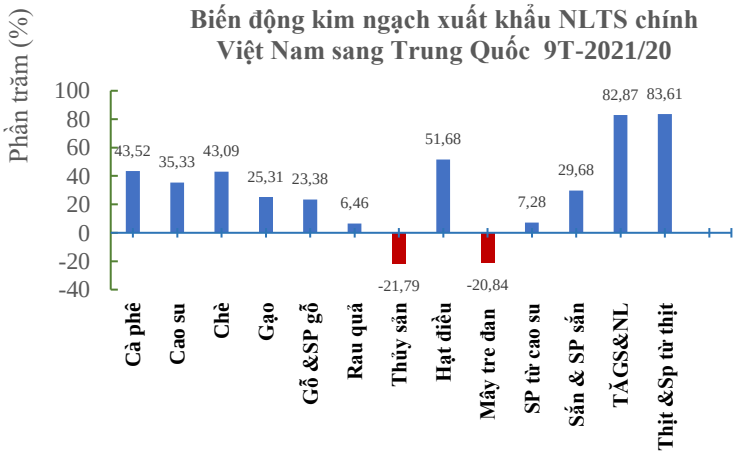

So sánh 9T-2021/2020

- Cà phê ▲ 43,52%
- Cao su ▲ 35,33%
- Chè ▲ 43,09%
- Gạo ▲ 25,31%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 23,38%
- Rau quả ▲ 06,46%
- Thủy sản ▼ 21,79%
- Hạt điều ▲ 51,68%
- Mây tre đan ▼ 20,84%
- SP từ cao su ▲ 07,28%
- Sắn và SP sắn ▲ 29,68%
- TĂGS và NL ▲ 82,87%
- Thịt&SP từ thịt ▲ 83,61%

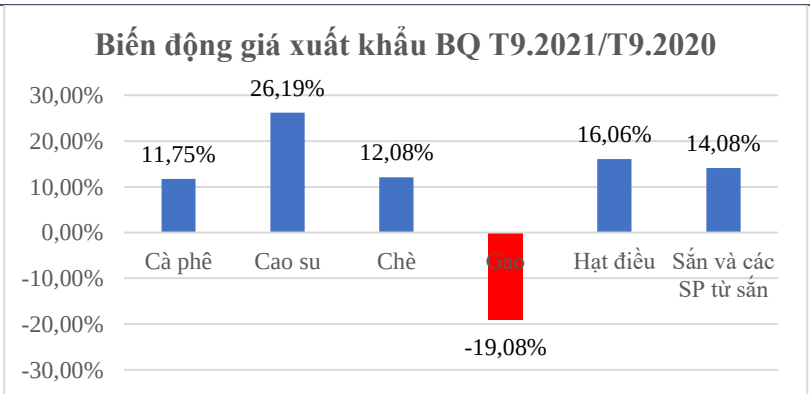

So sánh giá xuất khẩu tháng 9.2021/2020

- Cà phê ▲ 11,75%
- Cao su ▲ 26,19%
- Chè ▲ 12,08%
- Gạo ▼ 19,08%
- Hạt điều ▲ 16,06%
- Sắn &SP sắn ▲ 14,08%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 6,89 tỷ USD, tăng 18,71% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 2,64 tỷ USD, tăng 26,03%. Tính riêng tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 689,92 triệu USD, giảm 1,7% so với tháng trước và giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 9/2021 là cao su (chiếm 28,9%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 15,3%), rau quả (chiếm 13,5%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 11,7%), thủy sản (chiếm 9,7%), hạt điều (chiếm 8,7%), gạo (chiếm 6,9%). So với tháng 8/2021, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: sản phẩm từ cao su (tăng 26,9%), gạo (tăng 25,2%), hạt điều (tăng 23,3%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 12,0%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là mây tre đan (giảm 27,6%), cà phê (giảm 25,5%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 25,1%), cao su (giảm 10,2%), rau quả (giảm 9,7%), thủy sản (giảm 5,4%). So với cùng kỳ, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là gạo (tăng 123,7%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 26,1%), sắn và sản phẩm sắn (tăng 20,3%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 17,7%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thủy sản (giảm 51,4%), rau quả (giảm 23,1%), hạt điều (giảm 7,9%), cao su (giảm 7,0%).

Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố ngày 18/10/2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc tăng 4,9% trong quý 3/2021. Mức tăng trưởng này thấp hơn mức dự báo 5% được Bloomberg đưa ra trên cơ sở khảo sát đánh giá của các chuyên gia phân tích và giảm mạnh so với mức 7,9% trong quý 2/2021. Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng trên 6% cho năm 2021 sau khi GDP chỉ tăng 2,3% hồi năm ngoái do tác động của Covid-19. Tuy nhiên, các nhà phân tích vẫn lạc quan dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ đạt mức trên 8%. Nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đã ghi nhận mức phục hồi ấn tượng sau đại dịch, nhưng hiện nay lại phải đối mặt với nhiều thách thức mới liên quan đến bất ổn trong lĩnh vực bất động sản, tâm lý tiêu dùng suy yếu cũng như giá mặt hàng nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Một khó khăn khác đối với nền kinh tế Trung Quốc là cuộc khủng hoảng năng lượng. Nhiều nhà máy ở Trung Quốc đã phải tạm ngừng sản xuất hồi cuối tháng 9/2021 do giá than tăng vọt và tình trạng khan hiếm điện buộc các địa phương phải cắt điện đột ngột. Tình hình càng trở nên trầm trọng hơn khi lũ lụt tại tỉnh Sơn Tây, nơi đóng góp 30% sản lượng than của Trung Quốc đã khiến giá than đạt mức cao kỷ

lục. Chính phủ Trung Quốc sau đó đã phải yêu cầu tăng sản lượng khai thác của các mỏ than và đảm bảo nguồn cung cấp điện, để duy trì hoạt động sản xuất.

Doanh số bán lẻ trong tháng 9/2021 của Trung Quốc đã tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt xa mức dự đoán 3,3% của Reuters. Trong khi đó, xuất khẩu của Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh trong quí 3/2021 và kết thúc quí với kết quả ấn tượng, tăng 28,1% trong tháng 9. Về cơ bản, Trung Quốc vẫn duy trì thế mạnh về xuất khẩu kể từ khi khống chế được dịch bệnh hồi đầu năm ngoái.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của ngành sản xuất Trung Quốc là 49,2% , giảm 0,4 điểm phần trăm so với tháng trước, thấp hơn ngưỡng cho phép trong bối cảnh ngành chế tạo suy yếu. Xét theo quy mô doanh nghiệp, chỉ số PMI của các doanh nghiệp lớn là 50,3%, giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước; PMI của doanh nghiệp vừa là 48,6% (giảm 1,1 điểm phần trăm); PMI của doanh nghiệp nhỏ là 47,5% (tương đương với tháng trước).

Mới đây, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Văn phòng Quốc vụ viện đã ban hành "Kế hoạch hành động tiết kiệm lương thực" và ra thông báo yêu cầu tất cả các bộ ngành, địa phương quán triệt thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế. Mục đích là giảm thiểu thất thoát lương thực, tránh lãng phí thực phẩm. Kế hoạch bao gồm 8 nội dung: (i) tăng cường tiết kiệm và giảm tổn thất trong chuỗi sản xuất nông nghiệp; (ii) tăng cường giảm tổn thất trong khâu bảo quản ngũ cốc; (iii) tăng cường chống thất thoát trong khâu vận chuyển ngũ cốc; (iv) đẩy nhanh việc thúc đẩy giảm thất thoát trong khâu chế biến ngũ cốc; (v) kiên quyết ngăn chặn lãng phí trong tiêu thụ thực phẩm và đồ uống; (vi) thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới công nghệ trong lĩnh vực tiết kiệm và giảm thất thoát lương thực; (vii) tăng cường tuyên truyền, giáo dục tiết kiệm và giảm thất thoát lương thực; (viii) tăng cường các biện pháp tự vệ.

Ngày 24/10, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành hướng dẫn về các biện pháp sơ bộ nhằm đạt được mục tiêu đạt mức phát thải đỉnh điểm vào năm 2030 và trung hòa khí thải carbon trước năm 2060. Cụ thể, trong hướng dẫn mới, Chính phủ Trung Quốc tái khẳng định các cam kết gồm vào năm 2030 sẽ đưa mức phát thải lên đỉnh điểm, ổn định và giảm dần. Đến năm 2060 sẽ đạt mục tiêu trung hòa khí thải carbon và hoàn tất thiết lập nền kinh tế xanh, carbon thấp và tuần hoàn. Tuy nhiên, Bắc Kinh khẳng định phải cân nhắc các vấn đề an ninh lương thực và năng lượng trong quá trình thực hiện những nỗ lực này.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 10/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm 2019/20. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2020/21 ước đạt 2,8 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm 2019/20. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 111,7 nghìn tấn gạo, trị giá 47,8 triệu USD sang Trung Quốc tăng 22,7% về khối lượng và 25,2% về giá trị so với tháng trước, và tăng 176,5% về khối lượng và 123,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 845,6 nghìn tấn, trị giá 423,9 triệu USD, tăng 46,5% về khối lượng và 25,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc

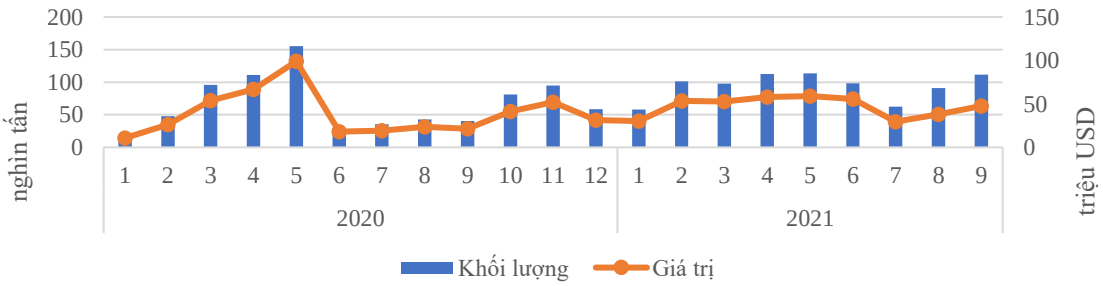

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021 đạt 427,5 USD/tấn, tăng 2,0% so với tháng trước, nhưng giảm 19,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

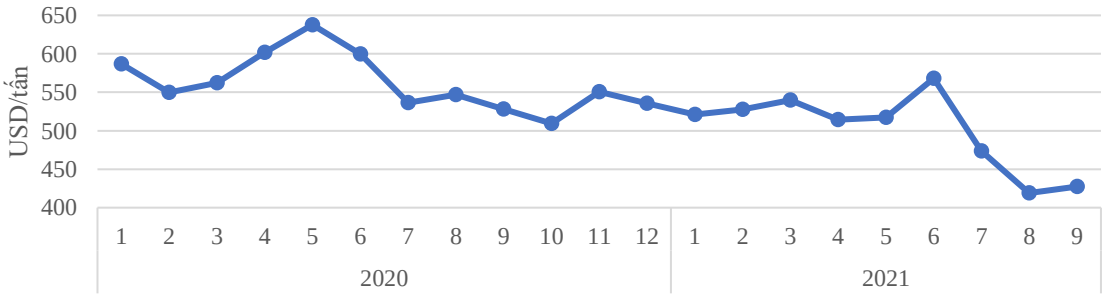

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 104,5 nghìn tấn và 43,7 triệu USD (chiếm 93,5% về khối lượng và 91,5% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoài, xuất khẩu gạo nếp đã tăng 171,9% về khối lượng và 115,8% về giá trị. Gạo thơm đứng vị trí thứ hai với kim ngạch 5,6 nghìn tấn và 3,2 triệu USD (chiếm 5,0% về khối lượng và 6,6% về giá trị), xuất khẩu gạo thơm đã tăng mạnh so với mức 0,4 nghìn tấn và 0,3 triệu USD của cùng kỳ năm ngoái.

Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 9/2021 sang thị trường Trung Quốc đạt trung bình 418,8 USD/tấn, tăng 1,1% so với tháng trước nhưng giảm 20,2% so với cùng kỳ năm 2020. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 491,7 USD/tấn, giảm 20,2% so với tháng trước và 37,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc

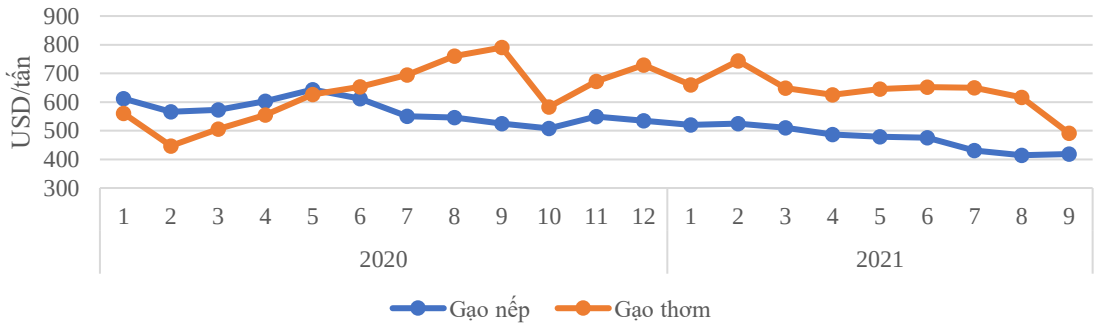

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Tổng Công ty Lương thực miền Nam, Công ty TNHH Dương Vũ và Công ty CP Tân Đồng Tiến. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 15,7%, 14,8% và 14,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 9/2021. So với cùng kỳ năm 2020, ba công ty đã tăng lần lượt 42,8%, 10,0% và 371,6%.

2. SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sắn Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sắn lát khô và tinh bột sắn của Trung Quốc tăng đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, Trung Quốc đã nhập khẩu 4,55 triệu tấn sắn lát khô, với giá trị nhập khẩu là 1,26 tỷ USD, tăng lần lượt là 60,12% và 93,07% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng và giá trị nhập khẩu tinh bột sắn lần lượt là 2,51 triệu tấn và 1,19 tỷ USD, tăng lần lượt là 25,17% và 46,49% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan là thị trường cung cấp sắn lớn nhất cho Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021, khối lượng sắn lát khô và tinh bột sắn nhập khẩu từ thị trường này lần lượt chiếm 89,03% và 72,85%. Tiếp đến là Việt Nam, với khối lượng sắn lát khô và tinh bột sắn cung cấp cho Trung Quốc lần lượt chiếm 10,36% và 16,86%.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 179,9 nghìn tấn sắn và sản phẩm từ sắn, trị giá 80,5 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 0,6% về khối lượng và tăng 0,9% về giá trị so với tháng 8/2021; tăng 5,5% về khối lượng và tăng 20,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sang thị trường này đạt 2,0 triệu tấn, trị giá 796,2 triệu USD, tăng 14,6% về khối lượng và tăng 29,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn sang Trung Quốc

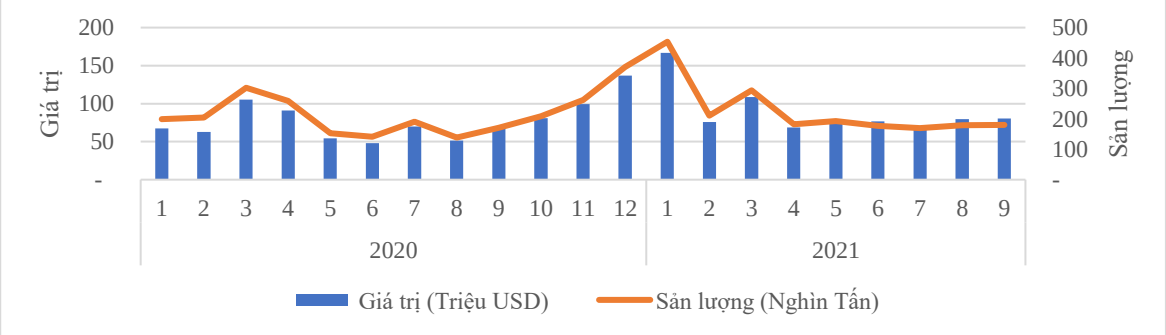

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 90,1% về khối lượng và 91,4% về giá trị xuất khẩu sắn của Việt Nam trong tháng 9 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 74,4 triệu USD, chiếm 92,4% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 6,1 triệu USD (chiếm 7,6%), tăng 219,1%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sắn sang thị trường Trung Quốc

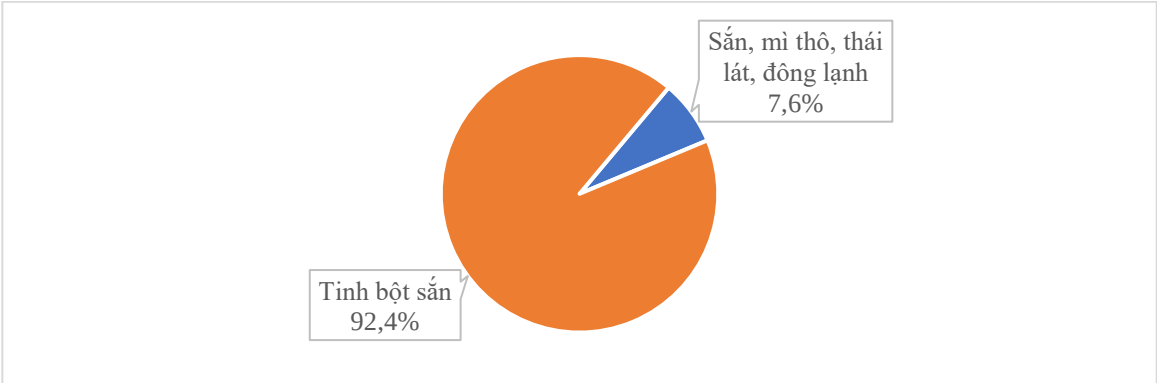

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Minh Toàn Tây Ninh, Công ty CP Fococev Việt Nam và Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 10,6%; 9,8% và 6,8%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm ngoái, Công ty TNHH Minh Toàn Tây Ninh tăng 60,3%, Công ty Cổ phần Fococev Việt Nam tăng 144,8% và Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi giảm 20,3%.

3. RAU QUẢ

Theo Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, giá bán buôn 28 loại rau được giám sát trong tháng 10/2021 trung bình đạt 5,23 CNY/kg (khoảng 18.450 đồng/kg), tăng 16% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 26 loại tăng so với tháng trước bao gồm: dưa chuột tăng 79,5%, rau cải bó xôi tăng 45,1%.

Bộ Nông nghiệp Trung Quốc kêu gọi chính quyền địa phương đảm bảo ổn định sản xuất và nguồn cung rau trong mùa đông sau khi ghi nhận giá rau tăng mạnh do mưa lớn gây lụt lội nhiều khu vực sản xuất chính ở miền bắc, làm dấy lên những lo ngại về giá thực phẩm vào thời điểm người tiêu dùng phải chống cự trước diễn biến chi phí năng lượng tăng vọt trước mùa đông.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 9 năm 2021 đạt 93,1 triệu USD, chiếm 40,1% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 9,7% so với tháng trước và giảm 23,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,5 tỷ USD (chiếm 55,4% thị phần), tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

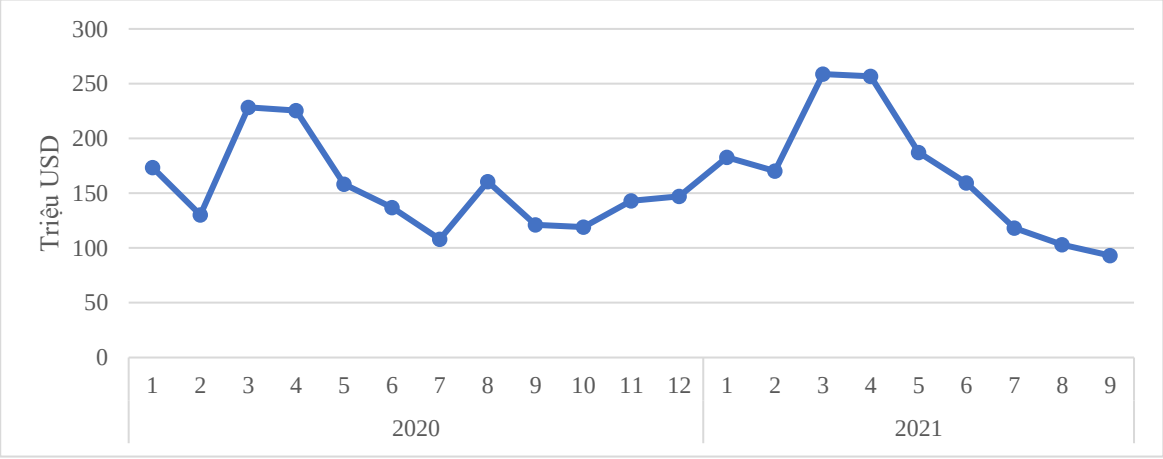

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 9 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 73,2 triệu USD (chiếm 78,6% thị phần, giảm 32,1% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 19,9 triệu USD (chiếm 21,4%), tăng 49,6%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 13,9 triệu USD, tăng 40,9%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 5,7 triệu USD, tăng 135,6%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 417 nghìn USD, giảm 41,2%; v.v.

Trong tháng 9 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 52,6 triệu USD (chiếm 56,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 36,7% so với cùng kỳ năm 2020; chuối đạt 5,2 triệu USD (chiếm 5,5%), giảm 23,7%; chanh đạt 4,3 triệu USD (chiếm 4,6%), tăng 214,7%; mít đạt 3,6 triệu USD (chiếm 3,8%), giảm 20,4%; sầu riêng đạt 3,2 triệu USD (chiếm 3,5%), tăng 39,7%; dừa đạt 3,1 triệu USD (chiếm 3,3%), tăng 3,4%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 9/2021

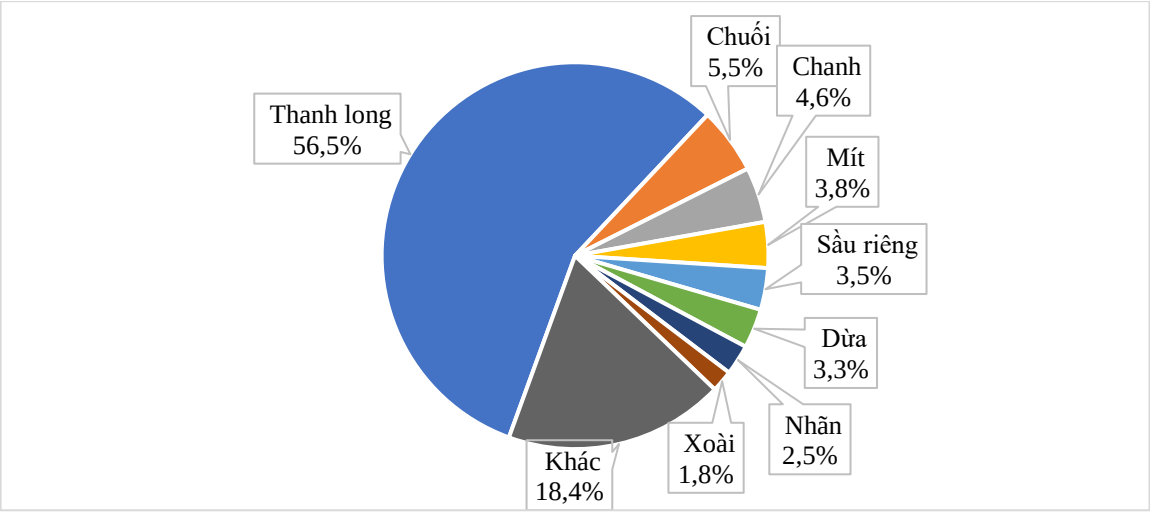

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 9 năm 2021 đạt 45,7 triệu USD, chiếm 36,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2020. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 317,4 triệu USD (chiếm 29,6% thị phần), tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 9/2021, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 9,9 triệu USD (chiếm 21,7% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 57,6% so với cùng kỳ năm trước; khoai tây đạt 5,5 triệu USD (chiếm 12,0%), giảm 6,8%; nấm các loại đạt 4,0 triệu USD (chiếm 8,7%), giảm 9,7%; cà rốt đạt 3,5 triệu USD (chiếm 7,7%), tăng 29,2%; táo đạt 2,5 triệu USD (chiếm 5,5%), giảm 15,7%; v.v.

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn, Công ty TNHH XNK Yuelaimei và Công ty TNHH Export H&T với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 7,9%; 3,5% và 3,3%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn tăng 176,8%, Công ty TNHH XNK Yuelaimei giảm 16,1% và Công ty TNHH Export H&T tăng 299,1%.

4. CÀ PHÊ

Thị trường cà phê của Trung Quốc đang tăng phát triển nóng, ít nhất 20 cửa hàng cà phê được mở mới mỗi tháng; chỉ trong 9 tháng 2021, các nhà đầu tư mạo hiểm đã đầu tư 4,6 tỷ nhân dân tệ vào ngành cà phê. Theo "Sách trắng về ngành cà phê tươi của Trung Quốc" do Deloitte phát hành, tỷ lệ thâm nhập cà phê ở các thành phố cấp một và cấp hai của Trung Quốc đã đạt 67%, tương đương với tỷ lệ thâm nhập của chè. Người tiêu dùng cà phê ở các thành phố hạng nhất và hạng hai đã đạt được mức tiêu thụ 300 cốc/năm, gần bằng với thị trường cà phê trưởng thành. Ước tính đến năm 2023, mức tiêu thụ cà phê của Trung Quốc sẽ là 10,8 cốc/người, và quy mô thị trường sẽ đạt 180,6 tỷ nhân dân tệ. Lạc quan về thị trường cà phê Trung Quốc, các thương hiệu cà phê nước ngoài như Tims Coffee, Peets Coffee, Blue Bottle Coffee, v.v. cũng đã tăng tốc thâm nhập thị trường Trung Quốc từ nửa đầu năm nay. Hai thương hiệu cà phê địa phương của Trung Quốc là Manner và M stand đều nhận được các vòng tài trợ mới trong vòng nửa năm. Có rất nhiều nhà đầu tư từ các công ty nổi tiếng như Bytedance và Tencent.

Tính đến cuối tháng 8/2021, bốn năm sau khi Starbucks cho ra mắt hạt cà phê cao cấp đầu tiên tại vùng sản xuất đơn lẻ ở tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), Starbucks đã đào tạo cho 27.249 nông dân và 2.383 trang trại trồng cà phê tại Vân Nam. Tổng diện tích được chứng nhận đạt chứng nhận Fair Trade đến nay là 20.200 ha.

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 9/2021 đạt 3.026 tấn, trị giá 7,82 triệu USD, giảm 41,37% về lượng và giảm 25,45% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê giảm 54,97% về lượng và giảm 49,68% về giá trị.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 39.605 tấn, trị giá 89,9 triệu USD, giảm 18,13 % về lượng và giảm 10,64% về giá trị so với cùng kỳ.

Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

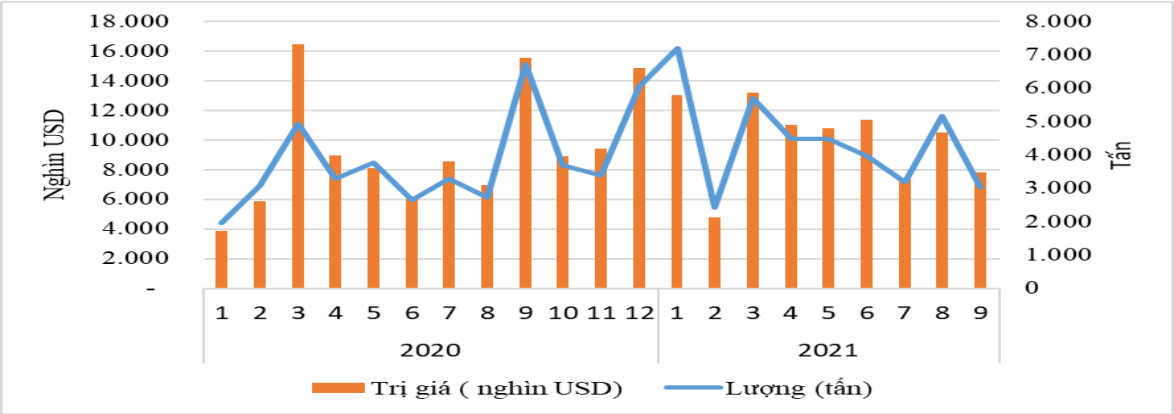

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.583 USD/tấn, giảm 27,14% so với tháng trước và giảm 11,75% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

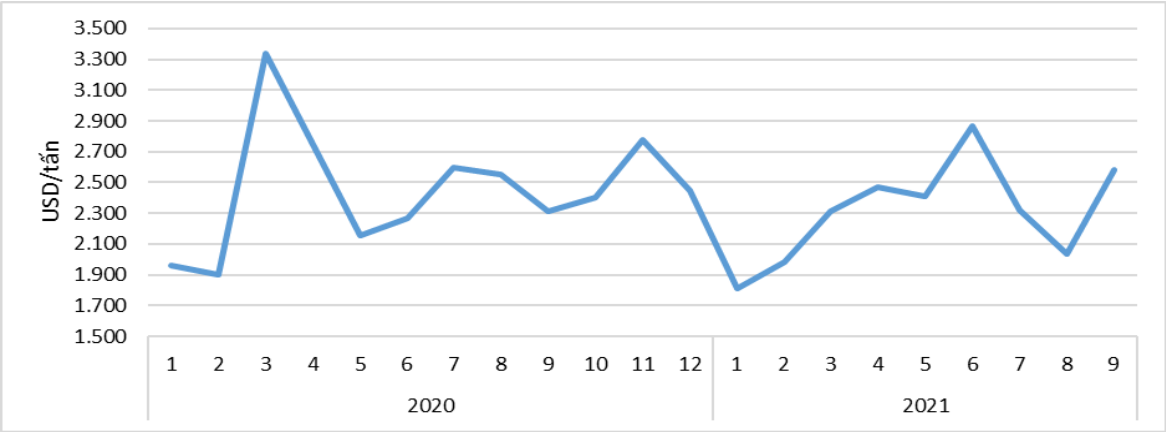

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 9/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 37,91%, cà phê hòa tan, tinh chất, chiết xuất chiếm tỷ trọng 62,09%. Cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ này lần lượt là 43,6% và 56,4%. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2021 cụ thể như sau:

Chiếm tỷ lệ cao nhất là cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 2,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 36,43%, giảm 57% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 2,6 triệu USD, chiếm 33,74%, giảm 57,08% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,2 triệu USD, chiếm 28,35%, giảm 15,33% so cùng kỳ.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc

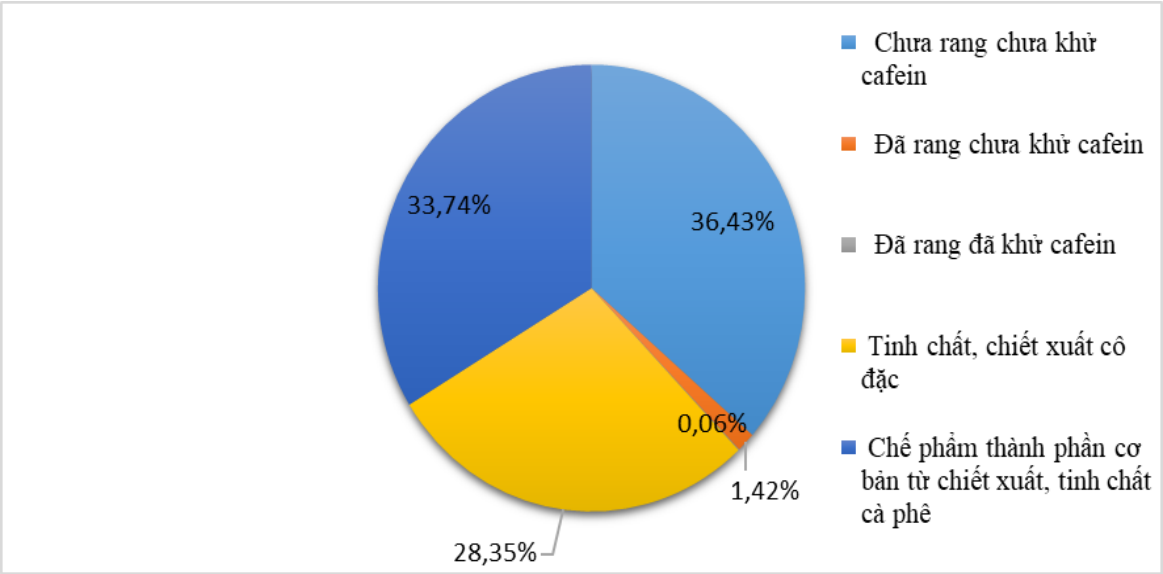

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Louis Dreyfus Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển An Thái với thị phần lần lượt là: 42,68%; 14,91% và 6,07%.

5. CAO SU

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 8,04 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2020. Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Hàn Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Trung Quốc. Trong 8 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 1,28 tỷ USD, tăng 49,5% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2021 chiếm 15,9%, tăng mạnh so với mức 13,2% của 8 tháng đầu năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 123,0 nghìn tấn với trị giá 199,3 triệu USD, giảm 9,9% về khối lượng và 10,2% về giá trị so tháng trước, và giảm 26,3% về khối lượng và 7,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc

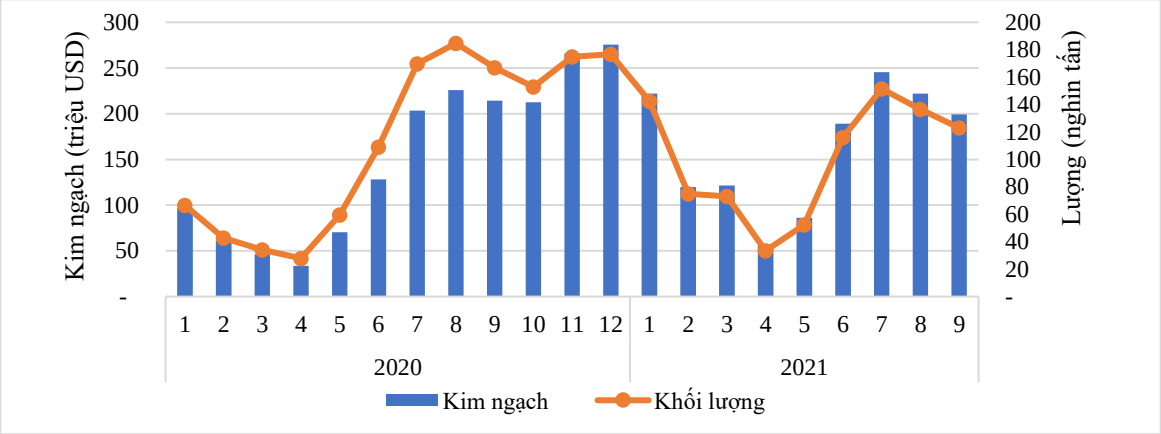

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 8,5 triệu USD, chiếm 52,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 2,2 triệu USD, chiếm 13,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm cao su xông khói RSS 3 và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 chiếm lần lượt 11,2% và 9,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 9/2021

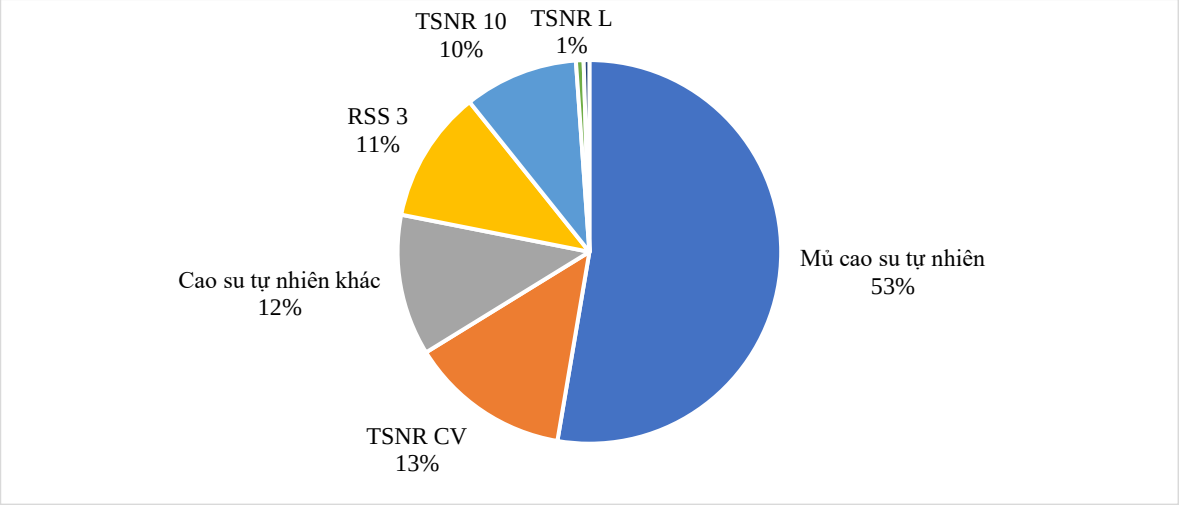

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021 đạt mức 1.620 USD/tấn, giảm nhẹ 0,3% so với tháng trước nhưng tăng 26,2% so với cùng kỳ 2020.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

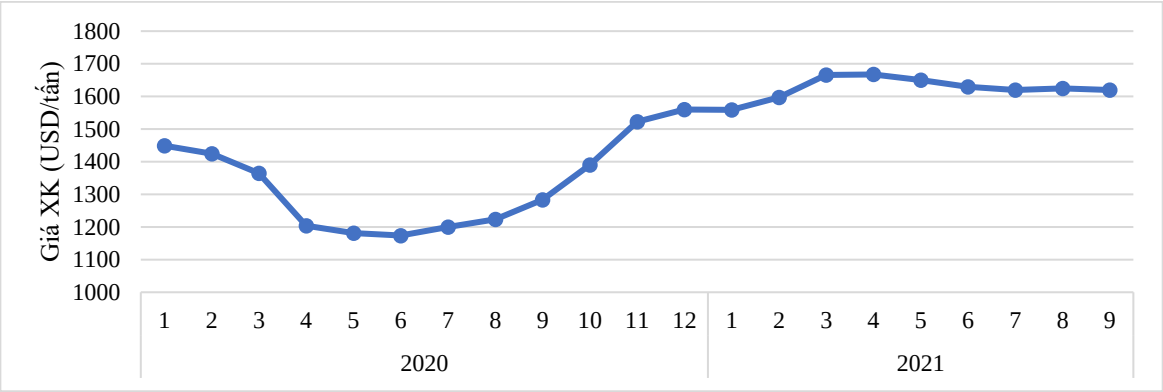

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Năng. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 22,3%, 17,9% và 9,2% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,4 nghìn tấn, trị giá 59,9 triệu USD, giảm 20,6% về khối lượng và 7,9% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 447,7 triệu USD, tương ứng với 60,6 nghìn tấn, tăng 51,2% về giá trị và 28,9% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc

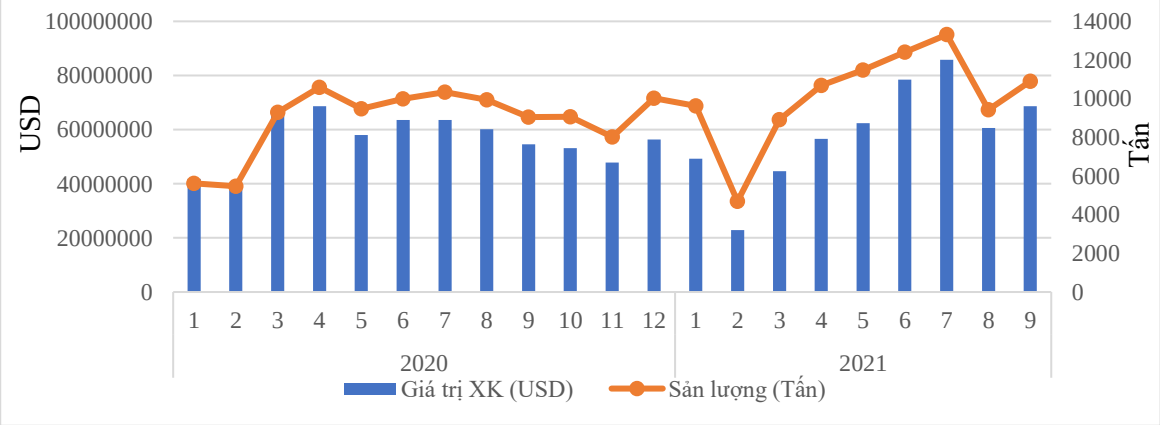

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này đang có xu hướng phục hồi trở lại sau ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid mang lại, nhà máy sản xuất đang dần trở lại theo

trạng thái bình thường mới. So với tháng 8/2021, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc tăng 23,3% về giá trị và 19,0% về sản lượng. Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 69,7%; hạt điều rang chiếm 30,3%.

Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021

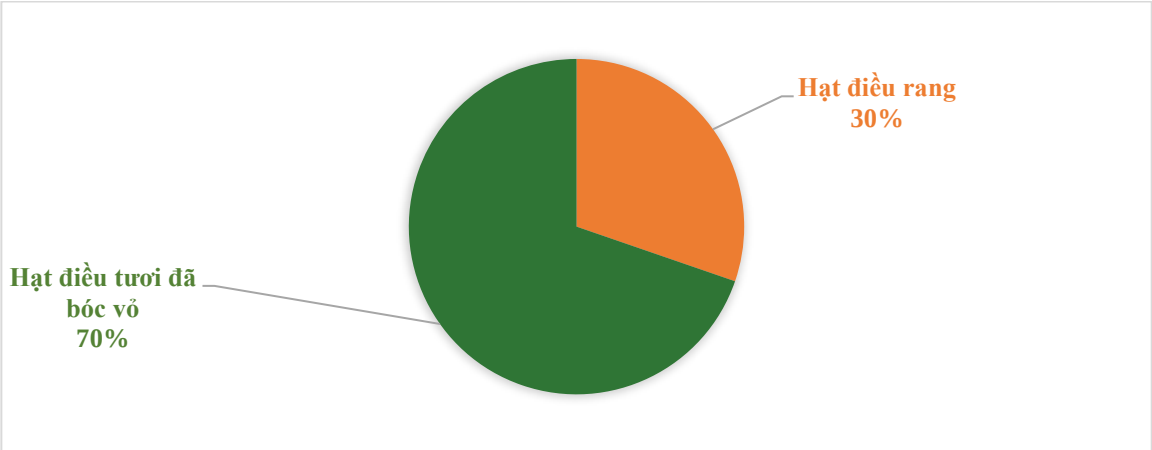

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021 có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 7,1 nghìn USD/tấn, tăng 16,1% so với tháng trước và giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

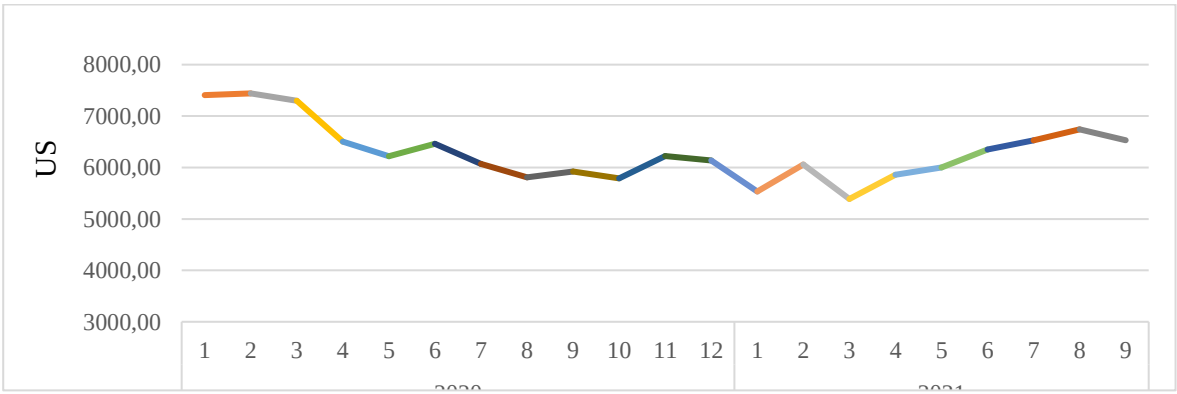

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6,16 USD/kg tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước và 1,1 % so với tháng trước; điều rang đạt 9,12 USD/kg, tăng 6,1% so với 9/2020 và giảm 1,9% so với tháng 8/2021.

Tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 11,2% tổng giá trị xuất khẩu; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Golden Sun chiếm 11,1%; và Công ty TNHH Thảo Nguyên chiếm 4,7%.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Thịt lợn tại Trung Quốc đang trên đà tăng giá trở lại sau đợt giảm sâu vào tháng 9. Giá lợn hơi vào trung tuần tháng 10 ở mức giá khoảng 49.000 - 57.000 đồng/kg. Hiện tại do người chăn nuôi lợn đang được giá, thị trường đã đạt tới đỉnh điểm về nhu cầu đồng thời việc giá ngũ cốc, lúa mì, thức ăn chăn nuôi đều tăng sẽ khiến giá thịt lợn tại Trung Quốc còn tăng trong một thời gian ngắn nữa. Tuy nhiên, theo tờ Sina, giá lợn của Trung Quốc có khả năng giảm trong 2 tháng cuối năm và trong Quý I/2022.

Theo Reuters, sản lượng thịt heo Trung Quốc trong quý III/2021 đạt ngưỡng cao nhất trong vòng 3 năm nhờ các chủ trang trại mở rộng quy mô từ năm ngoái nhằm phục hồi đàn sau dịch tả heo Châu Phi. Theo đó, sản lượng heo quý III/2021 đạt hơn 12 triệu tấn, tăng 43% so với cùng kỳ năm ngoái, mức cao nhất kể từ quý III năm 2018, thời điểm trước khi Trung Quốc bùng dịch tả heo Châu Phi. Sản lượng heo Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 tăng 38% so với cùng kỳ năm ngoái lên hơn 39 triệu tấn. Tuy nhiên, sản lượng trong quý III/2021 vẫn thấp hơn 13,5 triệu tấn so với quý II, trái với dự báo của các chuyên gia trước đó.

Ngày 11/10, Bộ Thương mại Trung Quốc thông báo đã mua 30.000 tấn thịt lợn dự trữ quốc gia.

Trong tháng 9/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng trở lại, đạt giá trị 510,46 nghìn USD, tăng 5,5 lần so với tháng 8. Tổng giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2021 sang thị trường Trung Quốc đạt 12,3 triệu USD, tăng 83,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 9/2021, chỉ có 8 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc, trong đó 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn nhất lần lượt là Công Ty Cổ Phần Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thuỷ Sản Hải Phòng, Công ty TNHH Thành Trung, và Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Lâm. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trong tháng 9 chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm (53,6%) và các sản phẩm chế biến sẵn (46,4%)

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc

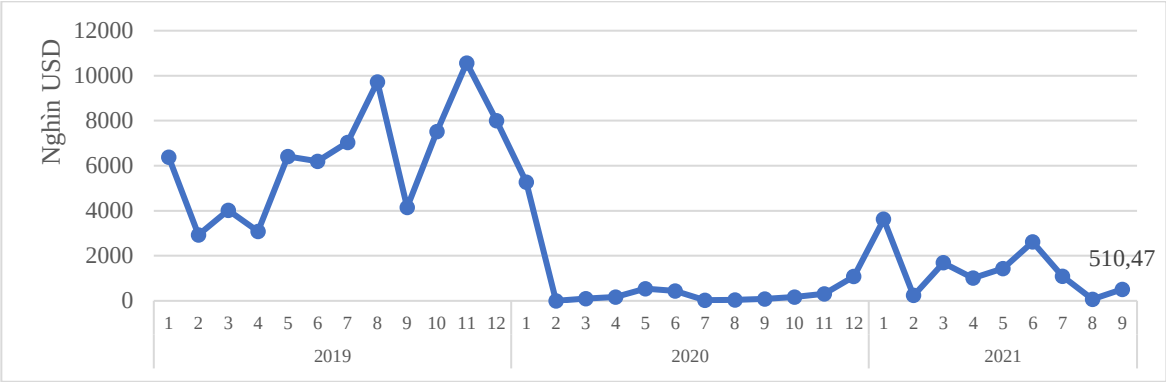

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 9/2021 cũng tăng mạnh so với 1 tháng trước đó và đạt 456,1 nghìn USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 3,35 triệu USD, giảm 26% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống.

8. THỦY SẢN

Theo thống kê của cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc tháng 9/2021 tiếp tục tăng tháng thứ 3 liên tiếp, sau khi liên tục giảm trong 6 tháng đầu năm, đạt 1,3 tỷ USD, tăng 32,1% so với tháng 9/2020. 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 9,7 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc tăng nhập khẩu thủy sản từ Ca-na-đa, Ấn Độ, Hoa Kỳ…, trong khi giảm nhập khẩu từ Ê-cu-a-đo và Nga. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Trung Quốc sau Ê-cu-a-đo, Nga, Ca-na-đa và Ấn Độ, chiếm 5,31% tổng trị giá nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc, đạt 515,6 triệu USD, giảm 32,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo thống kê của Phòng nuôi trồng thủy sản Quốc gia Ê-cu-a-đo (CNA), xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo trong tháng 9/2021 đạt 74,45 nghìn tấn, trị giá 493 triệu USD, tăng 38,09% về lượng và tăng 76,68% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021 đạt 67,21 triệu USD, giảm 51,4% so với cùng kỳ năm trước và 5,4% so với tháng 8/2021, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm sang thị trường này đạt khoảng 655,05 triệu USD, giảm 21,8% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá da

trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 43 %; cá da trơn chiếm 29,3%.

Hình 18. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

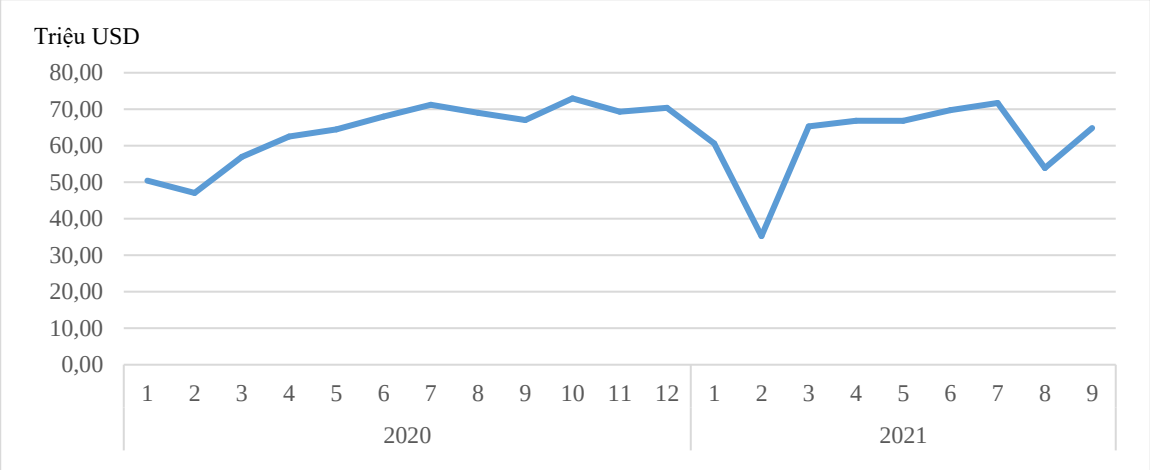

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thuỷ sản sang thị trường Trung Quốc tiếp tục gặp nhiều khó khăn khi quốc gia này tiếp tục siết chặt kiểm tra các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu vào thị trường này và nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong nước giảm mạnh. Theo nghiên cứu thị trường của Hiệp hội Khách sạn Trung Quốc (CHA), tiêu thụ thủy sản ở Trung Quốc đã giảm 20% trong đại dịch COVID, vấn đề này đã tác động lớn đến sản lượng nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ Việt Nam nói riêng và từ các quốc gia trên thế giới nói chung.

Hình 19. Cơ cấu mặt hàng thủy gản xuất khẩu tháng 9/2021

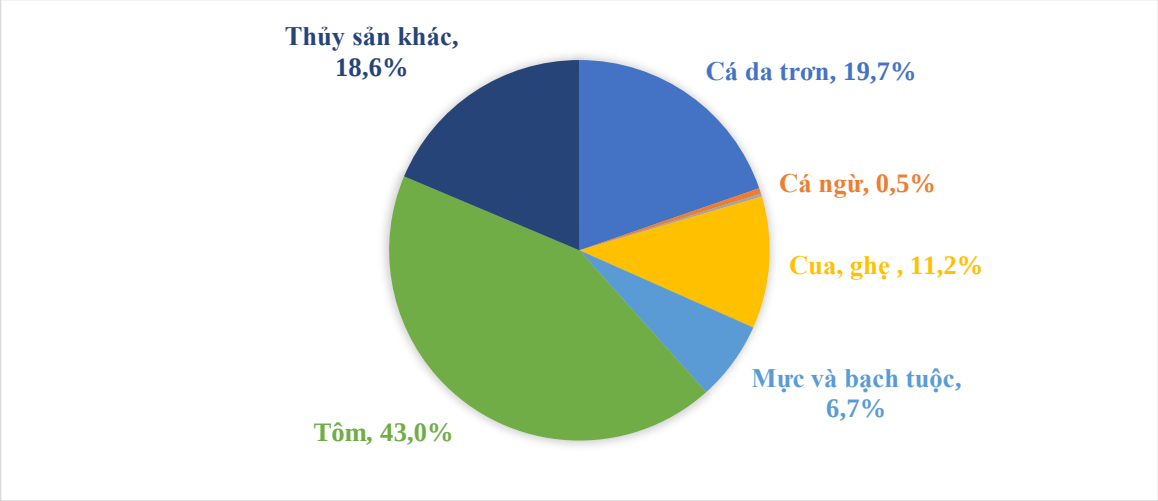

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Cá da trơn vẫn là mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm mạnh trong tháng này, giá trị xuất khẩu đạt 13,25 triệu USD, chiếm 19,7% tổng giá trị thuỷ sản xuất khẩu

sang thị trường này, giảm 72% so với cùng kỳ năm trước và 36,5% so với tháng 8/2021.

Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021

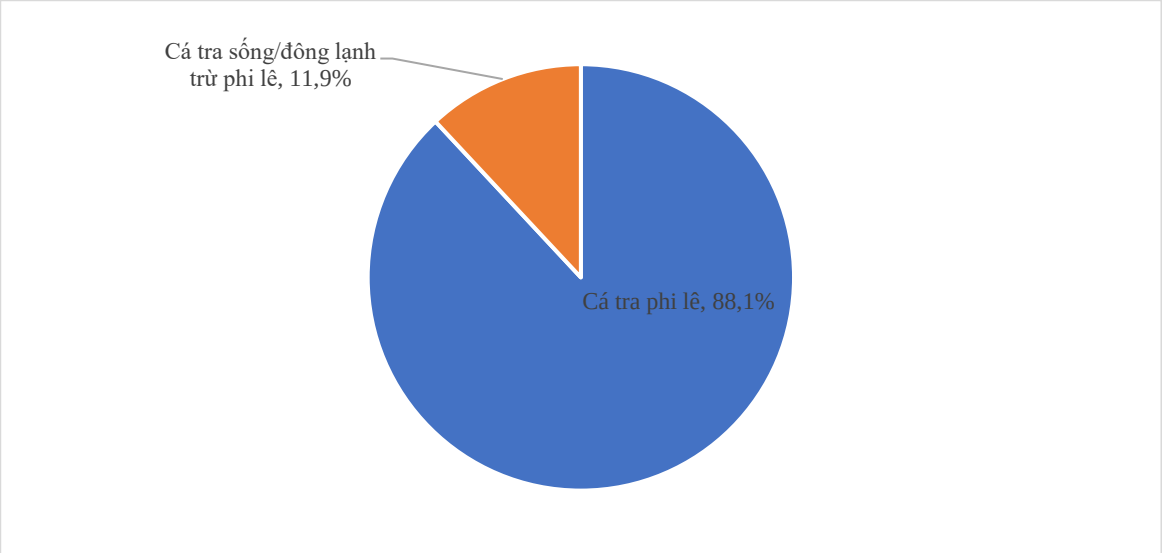

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Cá da trơn xuất sang Trung Quốc 100% là cá tra. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 88,1%, đạt 11,66 triệu USD, giảm 71,6% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh (trừ phi lê) chiếm 11,9%, đạt 1,58 triệu USD, giảm 73,5%.

Tương tự mặt hàng cá da trơn, xuất khẩu tôm sang thị trường này trong tháng 9/2021 có xu hướng giảm mạnh, giảm 28,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 7% so với tháng 8/2021.

Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021

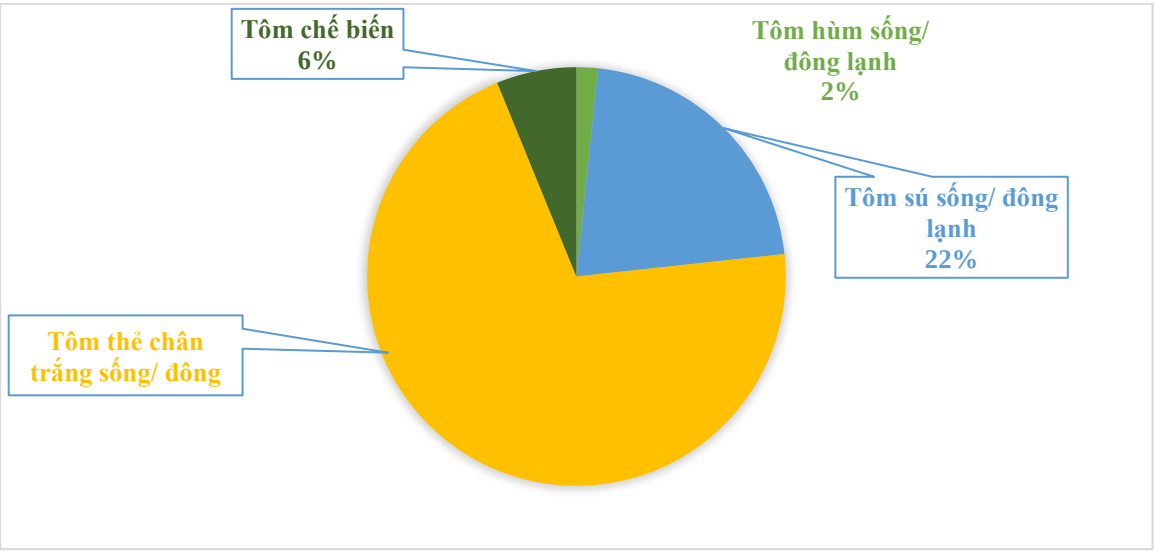

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9/2021, xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 20,37 triệu USD, chiếm 70,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường này, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,78 triệu USD, chiếm 6,2%, tăng 8,7%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,25 triệu USD, chiếm 21,16%, giảm 26,9% và tôm hùm sống/đông lạnh đạt 0,48 triệu USD, chiếm 1,7%, giảm 96%.

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 9/2021 như sau: cua ghẹ đạt 7,54 triệu USD chiếm 11,2% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc đạt 4,52 triệu USD, chiếm 6,7%, tăng 16%; cá ngừ đạt 0,31 triệu USD, chiếm 0,5%, tăng 450,2%; thủy sản khác đạt 12,53 triệu USD, chiếm 18,6%, giảm 66,7%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 9/2021 như sau: cá da trơn đạt 1,84 USD/kg, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước và 0,9% so với tháng 8/2021; tôm đạt 7,11 USD/kg, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 3,1% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 9/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,84	22,4%	0,9%
2	Cua, ghẹ	2,00	21,5%	4,0%
3	Mực và bạch tuộc	7,67	3,6%	1,8%
4	Tôm	2,48	-20,3%	2,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Hà Trang chiếm 5,7% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại Anh Nhân chiếm 5,2%; Công ty TNHH Thủy sản Liên Thịnh, chiếm 3,4%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 105,9 triệu USD, tăng 12,0% so với tháng trước và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc

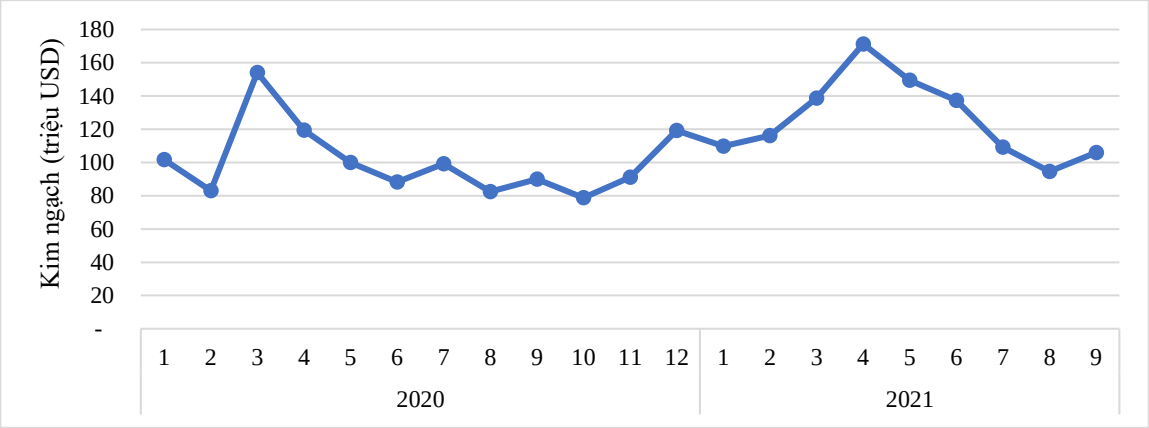

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 79,4 triệu USD, chiếm 80,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 17,2 triệu USD, chiếm 17,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,1% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 23: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 9/2021

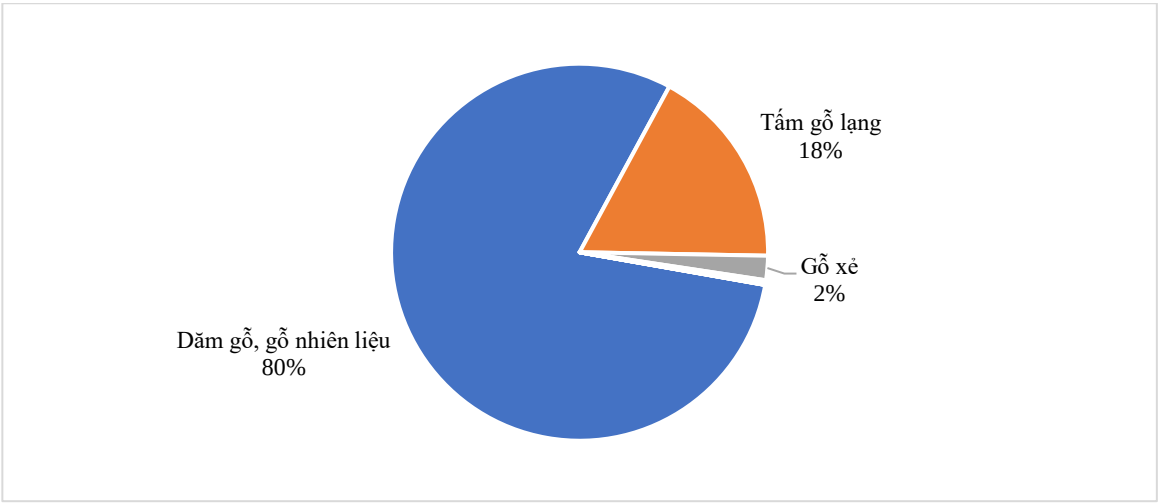

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Thanh Thành Đạt, Công ty TNHH Hào Hưng, Công ty Cổ phần Nguyệt Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 15,5%, 12,1% và 7,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Trung Quốc.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2021, nhập khẩu hạt cà phê của Trung Quốc tăng 104,3% so với cùng kỳ năm ngoái lên 61,77 triệu kg và tổng lượng nhập khẩu là 238 triệu USD, tăng 76% so với cùng kỳ năm ngoái, nếu không thay đổi trong nửa cuối năm, hơn 120.000 tấn cà phê nhân sẽ được nhập khẩu. Theo báo cáo mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Trung Quốc niên vụ 2021/2022 đứng thứ 8 toàn cầu, ở mức là 3.350 nghìn bao, giảm 5,22% so với niên vụ 2020/2021, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 300 nghìn bao, tăng 9,09% so với niên vụ trước. Tiêu thụ nội địa tăng nhẹ, lên mức 3,65 triệu. Dự báo quy mô thị trường ngành cà phê Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép trung bình 10% từ năm 2021 đến năm 2026, và quy mô thị trường sẽ đạt gần 170 tỷ nhân dân tệ vào năm 2026. Theo dự báo mới nhất của IMF, tăng trưởng năm 2021 của Trung Quốc được dự báo giảm 0,1 điểm xuống còn 8% nhờ sự phục hồi nhanh hơn dự kiến của đầu tư công.

2. Rau quả

Theo lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy (Hà Giang), hiện nay tại địa bàn cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, hàng xuất khẩu sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn do phía Trung Quốc không nhận hàng xuất khẩu của Việt Nam. Hiện nay hàng xuất khẩu sang Trung Quốc qua Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy chủ yếu là ván bóc, quả chuối, tinh bột sắn… Các doanh nghiệp xuất khẩu qua cửa khẩu Thanh Thủy cần chủ động chuyển hàng sang cửa khẩu khác để xuất khẩu.

3. Cao su

ANRPC đã điều chỉnh dự báo về triển vọng nhu cầu cao su tự nhiên trong năm 2021 tăng thêm 9,3% lên 14,166 triệu tấn, so với 13,680 triệu tấn dự báo hồi tháng 5. Theo đó, tiêu thụ dự kiến sẽ tăng ở Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam, những nơi dự đoán nhu cầu hồi phục nhanh khi các hoạt động sản xuất gia tăng trở lại sau giai đoạn đại dịch Covid-19 đỉnh điểm.

4. Thủy sản

Theo Hiệp hội Tiếp thị và Chế biến Thủy sản Trung Quốc, năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc tiếp tục giảm 15% - 17%. Tình hình dịch Covid vẫn còn nghiêm trọng ở một số nước xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc. Việc kiểm soát xuất khẩu từ Ấn Độ, Việt Nam và Ecuador chưa đủ chặt chẽ và Trung Quốc vẫn đang phát hiện virus ở trên bao bì thủy sản. Yêu cầu kiểm tra các lô hàng tại các cảng của

Trung Quốc đã gây ra đình trệ lại tại các cảng nhập khẩu. Dự báo, những tháng cuối năm xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này phục hồi ở mức chậm, các doanh nghiệp nên đẩy mạnh phát triển chế biến sâu để đáp ứng được yêu cầu mới từ thị trường lớn này.

5. Sắn và các sản phẩm từ sắn

Theo Hiệp hội Sắn Việt Nam, trong vài tuần vừa qua, do ảnh hưởng của gió mùa và áp thấp, nhiều nhà máy khu vực từ Tây Nguyên ra phía Bắc phải dừng chạy máy hoặc chạy không đều vì thiếu nguyên liệu. Trong khi đó, với chính sách Zero Covid nên phía Trung Quốc kiểm soát rất chặt chẽ việc giao hàng qua cửa khẩu khiến tiến độ giao hàng rất chậm. Các nhà máy tại Trung Quốc vẫn trong tình trạng sản xuất với công suất thấp cho dù đã vào chính vụ, do đó nhu cầu mua tinh bột sắn Việt Nam giảm nhiều so với cùng thời điểm các năm trước.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 9/2021

Sản phẩm	Tháng 9.2021 (USD)	Tăng/giảm so T8/2021	Tăng/giảm so T9/2020	Tỷ trọng (%)
Tổng XKNLTS	**689.917.347**	**-1,7%**	**-8,3%**	**100,0%**
Cà phê	7.816.875	-25,5%	0,6%	1,1%
Cao su	199.258.811	-10,2%	-7,0%	28,9%
Chè	1.019.900	-11,6%	-10,1%	0,1%
Gạo	47.757.455	25,2%	123,7%	6,9%
Gỗ và SP Gỗ	105.892.159	12,0%	17,7%	15,3%
Rau quả	93.101.788	-9,7%	-23,1%	13,5%
Hàng thủy sản	67.210.475	-5,4%	-51,4%	9,7%
Hạt điều	59.904.555	23,3%	-7,9%	8,7%
Mây tre đan	421.412	-27,6%	-51,4%	0,1%
SP từ cao su	5.200.512	26,9%	-38,6%	0,8%
Sắn &SP sắn	80.499.969	0,9%	20,3%	11,7%
TĂGS &NL	21.322.963	-25,1%	26,1%	3,1%
Thịt & SP Thịt	510.473	548,9%	448,0%	0,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 9/2021

Loại sản phẩm	Tháng 9/2020		Tháng 9/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo nếp	38.428	20.256.004	104.501	43.704.796	171,9%	115,8%
Gạo thơm	350	272.000	5.620	3.175.116	1505,7%	1067,3%
Các loại gạo khác	1.627	817.935	1.588	877.543	-2,4%	7,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 9/2021

Mặt hàng	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh T9/2020 và T9/2021	Tỷ trọng T9/2021
Tổng giá trị XK	**15.534**	**7.817**	**-49,68%**	**100,00%**
Chưa rang chưa khử cafein	6.625	2.847	-57,02%	36,43%
Đã rang chưa khử cafein	148	111	-24,87%	1,42%
Đã rang đã khử cafein	-	5		0,06%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	2.617	2.216	-15,33%	28,35%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	6.144	2.637	-57,08%	33,74%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 9/2021

Sản phẩm	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh T9.2021/T9.2020
Tổng giá trị XK	**121.026.521**	**93.101.788**	**-23,1%**
Thanh long	83.012.341	52.568.268	-36,7%
Chuối	6.769.823	5.165.546	-23,7%
Chanh	1.368.967	4.308.189	214,7%
Mít	4.481.455	3.567.828	-20,4%
Sầu riêng	2.325.849	3.248.192	39,7%
Dừa	2.960.651	3.060.114	3,4%
Nhãn	1.214.925	2.358.386	94,1%
Xoài	1.771.186	1.692.628	-4,4%
Ớt	1.373.843	1.508.092	9,8%
Chôm chôm	90.935	46.606	-48,7%
Vải	15.326	31.627	106,4%
Măng cụt	66.619	11.290	-83,1%
Dưa hấu	2.079	4.216	102,8%
Khác	15.572.522	15.530.806	-0,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 9/2021

Sản phẩm	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh T9.2021/T9.2020
Tổng giá trị XK	**93.151,5**	510.472,7	448%
Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm		273.437,5	
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	93.151,5	237.035,1	154%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021

Loại sản phẩm	Tháng 9/2021 (USD)	Tháng 9/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Tổng giá trị XK	**67.210.475,00**	**138.207.714,00**	**-51,4%**
Cá da trơn	13.246.040,96	47.299.704,86	-72,0%
Cá ngừ	314.771,62	57.205,70	450,2%
Cá rô phi	172.063,20	805.304,00	-78,6%
Cua, ghẹ	7.539.625,23	8.301.544,70	-9,2%
Mực và bạch tuộc	4.523.673,94	3.901.015,64	16,0%
Tôm	28.880.536,71	40.164.825,17	-28,1%
Thủy sản khác	12.533.763,33	37.678.113,92	-66,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 9/2021

Sản phẩm	T9.2020 (USD)	T9.2021 (USD)	So sánh T9.2021/T9.2020
Tổng giá trị XK	**66.897.211**	**80.499.969**	**20,3%**
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	1.914.897	6.109.606	219,1%
Tinh bột sắn	64.982.314	74.390.363	14,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan